TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 991/2020/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 19 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy bB Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 872/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số A đường T, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Lương Thế Q; sinh năm 1983; Địa chỉ: Số A đường T, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Q và bà T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyển số 01/2011 ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Ủy bB nhân dân phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/8/2020, ông Q và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, có 02 con chung giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho mỗi người con là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông Q và bà T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, đã thoả thuận được việc nuôi con chung, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Lương Thế Q và bà Trần Thị Kim T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyển số 01/2011 ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân phường H, quận G, thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực).

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Lương Q Bh, sinh ngày 28/01/20013 và Lương Q B, sinh ngày 08/4/2018 giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho một người con cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi (Tổng cộng một tháng ông Q cấp dưỡng nuôi 02 con 10.000.000 đồng) Bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2020.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quB Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về chia tài sản khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ kiên này.

4/ Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng bà T, ông Q phải chịu mỗi người 150.000 đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T, ông Q đã nộp theo biên thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0026592 ngày 16/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T, ông Q đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bB hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND phường 12, Q. GV;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bình